

BÀI TẬP ÔN HÈ – PHẦN NGỮ ÂM
MÔN: TIẾNG ANH 5 GLOBAL SUCCESS



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Choose the word which has a different stress pattern from the others

- | | | |
|--------------------|----------------|----------------|
| 1. A. fifteen | B. countryside | C. classroom |
| 2. A. sandwich | B. tennis | C. upstairs |
| 3. A. student | B. yourself | C. countryside |
| 4. A. tennis | B. dolphin | C. banana |
| 5. A. country | B. city | C. above |
| 6. A. building | B. tower | C. downstairs |
| 7. A. number | B. tower | C. fifteen |
| 8. A. sixteen | B. building | C. nineteen |
| 9. A. village | B. sixteen | C. mountain |
| 10. A. bedroom | B. kitchen | C. apartment |
| 11. A. Japanese | B. American | C. Vietnamese |
| 12. A. active | B. clever | C. Malaysian |
| 13. A. friendly | B. helpful | C. Australian |
| 14. A. Japanese | B. helpful | C. creative |
| 15. A. Malaysian | B. clever | C. friendly |
| 16. A. always | B. sometimes | C. activity |
| 17. A. violin | B. surfing | C. playing |
| 18. A. walking | B. reading | C. computer |
| 19. A. flower | B. weekend | C. activity |
| 20. A. surfing | B. walking | C. computer |
| 21. A. firefighter | B. gardener | C. reporter |
| 22. A. teacher | B. reporter | C. writer |
| 23. A. report | B. reporter | C. driver |
| 24. A. gardener | B. dentist | C. engineer |
| 25. A. engineer | B. children | C. firefighter |
| 26. A. downstairs | B. upstairs | C. second |

- | | | | |
|-----|-----------------|---------------|---------------|
| 27. | A. library | B. canteen | C. classroom |
| 28. | A. classroom | B. playground | C. direction |
| 29. | A. computer | B. second | C. along |
| 30. | A. ground floor | B. computer | C. teacher |
| 31. | A. solving | B. reading | C. activity |
| 32. | A. working | B. playing | C. November |
| 33. | A. project | B. active | C. activities |
| 34. | A. eighteen | B. solving | C. reading |
| 35. | A. December | B. solving | C. playing |
| 36. | A. beside | B. crayon | C. below |
| 37. | A. above | B. behind | C. pencil |
| 38. | A. ruler | B. eraser | C. crayon |
| 39. | A. sharpener | B. scissors | C. beside |
| 40. | A. notebook | B. eraser | C. pencil |
| 41. | A. funfair | B. theatre | C. aquarium |
| 42. | A. campsite | B. aquarium | C. picnic |
| 43. | A. cinema | B. bakery | C. activity |
| 44. | A. computer | B. music | C. campsite |
| 45. | A. building | B. clever | C. aquarium |
| 46. | A. pagoda | B. December | C. mountain |
| 47. | A. visit | B. December | C. November |
| 48. | A. cinema | B. museum | C. theatre |
| 49. | A. temple | B. visit | C. aquarium |
| 50. | A. December | B. theatre | C. September |

HƯỚNG DẪN GIẢI**Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com**

1. A	2. C	3. B	4. C	5. C	6. C	7. C	8. B	9. B	10. C
11. B	12. C	13. C	14. B	15. A	16. C	17. A	18. C	19. C	20. C
21. C	22. B	23. C	24. C	25. A	26. C	27. B	28. C	29. B	30. A
31. C	32. C	33. C	34. A	35. B	36. B	37. C	38. B	39. C	40. B
41. C	42. B	43. C	44. A	45. C	46. C	47. A	48. B	49. C	50. B

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1.

A. fifteen /ˌfɪfˈti:n/ → trọng âm rơi vào âm 2

B. countryside /ˈkʌn.tri.saɪd/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. classroom /ˈklɑ:s.ru:m/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: A

2.

A. sandwich /ˈsæn.wɪdʒ/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. tennis /ˈten.ɪs/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. upstairs /ˌʌpˈsteəz/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

3.

A. student /ˈstju:.dənt/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. yourself /jɔ:ˈself/ → trọng âm rơi vào âm 2

C. countryside /ˈkʌn.tri.saɪd/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: B

4.

A. tennis /ˈten.ɪs/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. dolphin /ˈdɒl.fɪn/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. banana /bəˈnɑ:.nə/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

5.

A. country /ˈkʌn.tri/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. city /'sɪt.i/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. above /ə'baʊv/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

6.

A. building /'bɪl.dɪŋ/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. tower /'taʊər/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. downstairs /ˌdaʊn'steəz/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

7.

A. number /'nʌm.bər/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. tower /'taʊər/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. fifteen /ˌfɪf'ti:n/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

8.

A. sixteen /ˌsɪk'sti:n/ → trọng âm rơi vào âm 2

B. building /'bɪl.dɪŋ/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. nineteen /ˌnaɪn'ti:n/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: B

9.

A. village /'vɪl.ɪdʒ/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. sixteen /ˌsɪk'sti:n/ → trọng âm rơi vào âm 2

C. mountain /'maʊn.tɪn/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: B

10.

A. bedroom /'bed.ru:m/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. kitchen /'kɪtʃ.ən/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. apartment /ə'pɑ:t.mənt/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

11.

A. Japanese /ˌdʒæp.ə'ni:z/ → trọng âm rơi vào âm 3

B. American /ə'mer.ɪ.kən/ → trọng âm rơi vào âm 2

C. Vietnamese /,vjet.nə'mi:z/ → trọng âm rơi vào âm 3

Đáp án: B

12.

A. active /'æk.tɪv/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. clever /'klev.ər/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. Malaysian /mə'lei.ʒən/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

13.

A. friendly /'frend.li/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. helpful /'help.fəl/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. Australian /ɒs'treɪ.li.ən/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

14.

A. Japanese /,dʒæp.ə'ni:z/ → trọng âm rơi vào âm 3

B. helpful /'help.fəl/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. creative /kri'eɪ.tɪv/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: B

15.

A. Malaysian /mə'lei.ʒən/ → trọng âm rơi vào âm 2

B. clever /'klev.ər/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. friendly /'frend.li/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: A

16.

A. always /'ɔ:l.weɪz/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. sometimes /'sʌm.taɪmz/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. activity /æk'tɪv.ə.ti/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

17.

A. violin /,vaɪ.ə'liːn/ → trọng âm rơi vào âm 3

B. surfing /'sɜː.fɪŋ/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. playing /'pleɪ.ɪŋ/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: A

18.

A. walking /'wɔ:.kɪŋ/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. reading /'ri:.dɪŋ/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. computer /kəm'pjʊ:.tər/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

19.

A. flower /'flaʊ.ər/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. weekend /'wi:k.end/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. activity /æk'tɪv.ə.ti/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

20.

A. surfing /'sɜ:.fɪŋ/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. walking /'wɔ:.kɪŋ/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. computer /kəm'pjʊ:.tər/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

21.

A. firefighter /'faɪə ,faɪ.tər/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. gardener /'gɑ:.dən.ər/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. reporter /rɪ'pɔ:.tər/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

22.

A. teacher /'ti:.tʃər/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. reporter /rɪ'pɔ:.tər/ → trọng âm rơi vào âm 2

C. writer /'raɪ.tər/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: B

23.

A. report /rɪ'pɔ:rt/ → trọng âm rơi vào âm 2

B. reporter /rɪ'pɔ:.tər/ → trọng âm rơi vào âm 2

C. driver /'draɪ.vər/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: C

24.

A. gardener /'gɑ:.də.n.ər/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. dentist /'den.tɪst/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. engineer /,en.dʒɪ'niər/ → trọng âm rơi vào âm 3

Đáp án: C

25.

A. engineer /,en.dʒɪ'niər/ → trọng âm rơi vào âm 3

B. children /'tʃɪl.drən/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. firefighter /'faɪə,faɪ.tər/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: A

26.

A. downstairs /,daʊn'steəz/ → trọng âm rơi vào âm 2

B. upstairs /,ʌp'steəz/ → trọng âm rơi vào âm 2

C. second /'sek.ənd/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: C

27.

A. library /'laɪ.brər.i/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. canteen /kæn'ti:n/ → trọng âm rơi vào âm 2

C. classroom /'klɑ:s.ru:m/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: B

28.

A. classroom /'klɑ:s.ru:m/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. playground /'pleɪ.graʊnd/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. direction /dɪ'rek.ʃən/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

29.

A. computer /kəm'pjʊ:.tər/ → trọng âm rơi vào âm 2

B. second /'sek.ənd/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. along /ə'lɒŋ/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: B

30.

A. ground floor /'graʊnd ,flo:r/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. computer /kəm'pjʊ:tər/ → trọng âm rơi vào âm 2

C. teacher /'ti:tʃər/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: A

31.

A. solving /'sɒlv.ɪŋ/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. reading /'ri:.dɪŋ/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. activity /æk'tɪv.ə.ti/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

32.

A. working /'wɜ:.kɪŋ/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. playing /'pleɪ.ɪŋ/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. November /nəʊ'vem.bər/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

33.

A. project /'prɒdʒ.ekt/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. active /'æk.tɪv/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. activities /æk'tɪv.ə.tɪz/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

34.

A. eighteen /,eɪ'ti:n/ → trọng âm rơi vào âm 2

B. solving /'sɒlv.ɪŋ/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. reading /'ri:.dɪŋ/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: A

35.

A. December /dɪ'sem.bər/ → trọng âm rơi vào âm 2

B. solving /'sɒlv.ɪŋ/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. playing /'pleɪ.ɪŋ/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: B

36.

A. beside /bɪ'saɪd/ → trọng âm rơi vào âm 2

B. crayon /'kreɪ.n/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. below /bɪ'ləʊ/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: B

37.

A. above /ə'bʌv/ → trọng âm rơi vào âm 2

B. behind /bɪ'haɪnd/ → trọng âm rơi vào âm 2

C. pencil /'pen.səl/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: C

38.

A. ruler /'ruː.lər/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. eraser /ɪ'reɪ.zər/ → trọng âm rơi vào âm 2

C. crayon /'kreɪ.n/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: B

39.

A. sharpener /'ʃɑːp.nər/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. scissors /'sɪz.əz/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. beside /bɪ'saɪd/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

40.

A. notebook /'nəʊt.bʊk/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. eraser /ɪ'reɪ.zər/ → trọng âm rơi vào âm 2

C. pencil /'pen.səl/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: B

41.

A. funfair /'fʌn.feər/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. theatre /'θiə.tər/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. aquarium /ə'kweəri.əm/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: khác C

42.

A. campsite /'kæmp.saɪt/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. aquarium /ə'kweəri.əm/ → trọng âm rơi vào âm 2

C. picnic /'pɪk.nɪk/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: B

43.

A. cinema /'sɪn.ə.mə/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. bakery /'beɪ.kəri/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. activity /æk'tɪv.ə.ti/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

44.

A. computer /kəm'pjʊ.tər/ → trọng âm rơi vào âm 2

B. music /'mjuː.zɪk/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. campsite /'kæmp.saɪt/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: A

45.

A. building /'bɪl.dɪŋ/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. clever /'klev.ər/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. aquarium /ə'kwɛə.ri.əm/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

46.

A. pagoda /pə'gəʊ.də/ → trọng âm rơi vào âm 2

B. December /dɪ'sem.bər/ → trọng âm rơi vào âm 2

C. mountain /'maʊn.tɪn/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: C

47.

A. visit /'vɪz.ɪt/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. December /dɪ'sem.bər/ → trọng âm rơi vào âm 2

C. November /nəʊ'vem.bər/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: A

48.

A. cinema /'sɪn.ə.mə/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. museum /mjuː'ziə.əm/ → trọng âm rơi vào âm 2

C. theatre /'θiə.tər/ → trọng âm rơi vào âm 1

Đáp án: B

49.

A. temple /'tem.pəl/ → trọng âm rơi vào âm 1

B. visit /'vɪz.ɪt/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. aquarium /ə'kweə.ri.əm/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: C

50.

A. December /dɪ'sem.bər/ → trọng âm rơi vào âm 2

B. theatre /'θiə.tər/ → trọng âm rơi vào âm 1

C. September /sep'tem.bər/ → trọng âm rơi vào âm 2

Đáp án: B